

Tiếp nhận Anna Seghers ở miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1954 - 1975

Huỳnh Thị Mai Trinh

*Trường Đại học Văn Hiến
Email: trinhhtm@vhu.edu.vn*

Ngày nhận: 23/09/2020; Ngày duyệt đăng: 02/11/2020

Tóm tắt

Nghiên cứu này dựa trên lý thuyết tiếp nhận văn học kết hợp với phương pháp lịch sử để đưa ra những giải thích, nhận định về sự tiếp nhận Anna Seghers ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Seghers là nhà văn lưu vong, được đánh giá hay nhất và ảnh hưởng nhiều nhất trong thế kỷ XX và cũng là đại diện lớn nhất trong văn chương Đức về đề tài chống phát xít. Tác phẩm của bà được dịch ở nhiều nước trên thế giới, ở Việt Nam giai đoạn lịch sử đặc biệt 1954-1975, bà được tiếp nhận chỉ ở miền Bắc và tập trung trong vài năm, chủ yếu ở lĩnh vực dịch thuật. Seghers thể hiện tinh thần đấu tranh và tinh thần hữu nghị quốc tế trong sự nghiệp văn chương cũng như sự nghiệp chính trị. Sự thể hiện đó rất phù hợp với hoàn cảnh đấu tranh bảo vệ đất nước thời bấy giờ ở miền Bắc.

Từ khóa: *Anna Seghers, Anna Seghers ở Việt Nam, tiếp nhận văn học Đức.*

Receiving Anna Seghers in the Northern of Vietnam from 1954 to 1975

Abstract

This research is based on the theory of receiving literature combined with historical method to give explanations and comments about reception Anna Seghers in Northern of Vietnam in 1954-1975 period. She was an writer in exil who is considered to be the best and the most influential writer in German literature on anti-fascism in the twentieth century. Her works were translated into many languages in the world, including Vietnam. In special 1954 - 1975 period of Vietnamese history, this popular German writer was welcomed in the North only for a few years, mainly translated literature field. Anna Seghers expressed a struggling spirit and international friendship in her literature and political career. This expression was completely suitable to a struggling situation to protect the country at that time in the Northern of Vietnam.

Keywords: *Anna Seghers, Anna Seghers in Vietnam, receiving German literature.*

Mở đầu

Thế kỷ XX, nhân loại trải qua hai cuộc chiến tranh khủng khiếp nhất, tàn khốc nhất và cũng mất mát thương đau nhiều nhất

trong lịch sử phát triển của mình. Các chủ đề về chiến tranh giữ vị trí quan trọng trên văn đàn thế giới, văn học Đức cũng không nằm ngoài những biến động và xu hướng

đó. Nhiều nhà văn Đức có sự thể hiện khác nhau khi lên án cũng như hành động phản ứng lại các cuộc chiến tranh. Đặc biệt, chống phát xít trở thành chủ đề lớn, xuyên suốt nhiều thập niên của thế kỷ XX. Những tên tuổi nổi tiếng ở nội dung chống phát xít này có thể kể đến như Anna Seghers, Bruno Apitz, Bertolt Brecht, Johannes Robert Becher, Ervin Strittmatter... Phần lớn sáng tác của các nhà văn trên được dịch và giới thiệu ở Việt Nam từ trước năm 1975 đến nay.

Giai đoạn 1954-1975, Việt Nam chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau và tiếp nhận văn học nước ngoài vào nước ta cũng chịu ảnh hưởng của hai thể chế chính trị này. Sáng tác của Seghers được dịch ở miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là những tác phẩm làm nên tên tuổi của bà như *Cây thập tự thứ bảy* (Hương Minh, Tảo Trang dịch, 1959), tập ký sự *Tổ ong* (Hương Minh, Tảo Trang dịch, 1962), *Những người chết còn trẻ mãi* (Bùi Hiến, Nguyễn Văn Sỹ, Quang Dũng dịch, 1963)... Sáng tác của Anna Seghers được các nhà nghiên cứu về Văn học Đức như Lương Ngọc Bích, Ngọc Cầu, Trần Dương, Đỗ Ngoạn... quan tâm, đặc biệt những vấn đề của thời sự đương thời như Chiến tranh thế giới, Chiến tranh lạnh, Chiến tranh xâm lược, hay tinh thần hữu nghị quốc tế trong các bài viết phù hợp với hoàn cảnh đất nước ở miền Bắc Việt Nam. Đây cũng là lý do mà văn chương của bà không được dịch và giới thiệu ở miền Nam Việt Nam thời bấy giờ, những tiền đề tiếp nhận bà không phù hợp bên kia chiến tuyến.

1. Những thuận lợi trong việc tiếp nhận Anna Seghers ở Việt Nam

Anna Seghers: nữ nhà văn cộng sản lưu vong

Anna Seghers sinh ngày 19 tháng 11 năm 1900 ở Mainz với tên khai sinh là Netty Reiling và mất ngày 01 tháng 7 năm 1983 ở Berlin, bà là nhà văn Đức gốc Do Thái. Seghers đã học các chuyên ngành về Lịch sử, Lịch sử nghệ thuật, và Hán học ở Köln và Heidelberg. Năm 1924 bà bảo vệ luận án tiến sĩ ở Heidelberg với đề tài *Người Do Thái và đạo Do Thái trong tác phẩm của Rembrandt* (Jude und Judentum im Werk Rembrandts). Năm 1925, Seghers kết hôn cùng một nhà xã hội học người Hungary tên là László Radványi – sau này ông đổi tên là Johann Lorenz Schmidt. Họ có hai con, một trai, một gái và sống ở Berlin cho đến năm 1933 – năm Hitler cầm quyền, sau đó bà và gia đình sống lưu vong qua nhiều nơi ở châu Âu.

Những sáng tác đầu tay của bà được đặt tên Seghers, từ sau tác phẩm *Die Gefährten* (*Những người bạn đồng hành*) bà để tên đầy đủ Anna Seghers, và về sau dùng luôn tên gọi này.

Khái Vinh trong bài viết “Sáng tác văn xuôi ở Cộng hòa Dân chủ Đức (thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội) đã giới thiệu về những thành tựu văn học từ những năm 20 của thế kỷ XX cùng với lực lượng nhà văn xuất thân từ tầng lớp lao động như Johannes Becher, Friedrich Wolt, Bertolt Brecht..., và Anna Seghers vinh dự đứng vào đội ngũ này. Họ là lớp nhà văn *trước đó sáng tác theo những trường phái khác nhau, đến với cách mạng của giai cấp vô sản và từ đó trở thành những chiến sĩ trung kiên trên mặt trận văn học xã hội chủ nghĩa* (Khái Vinh, 1979: 20).

Seghers tham gia Đảng Cộng sản Đức (KPD) năm 1928, và là thành viên sáng lập Khối liên minh nhà văn vô sản cách mạng (*Bundes proletarisch – revolutionärer*

Schriftsteller). Trong thời gian sống ở nước ngoài, bà tham gia tích cực các tạp chí của người Đức lưu vong như *Neue Deutsche Blätter*, *Monatsschrift für Literatur und Kritik*, *Schutzverband Deutscher Schriftsteller*. Từ năm 1933, Seghers sống chủ yếu ở Pháp và đến năm 1947, sau hai năm kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, bà mới quay về Đức và sống ở Đông Berlin cho đến cuối đời. Anna Seghers được nhiều nhà nghiên cứu và phê bình trong đó có Reich-Ranicki đánh giá là nhà văn cánh tả được yêu thích (Reich-Ranicki và Voss, 2002; Thế Dũng và Thiên Trường dịch, 2012).

Nước Đức và châu Âu những năm trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai được gọi nhắc đến bởi hình ảnh những trại tập trung, sự truy lùng, giết người bằng hơi ngạt,... Nạn diệt chủng và những trại tập trung trên toàn châu Âu như Auschwitz, Plaszow, Gross – Rosen, Buchenwald, Dachau, Sachsenhausen là những nỗi ám ảnh khủng khiếp mà lịch sử còn ghi chép. “*Những nhà văn lưu vong đã nhận thấy sự lưu vong là một việc hợp lý, bởi vì họ hiểu rằng họ là những đại diện chân chính của nước Đức dân chủ chống phát xít*” (Lương Ngọc Bích, 1995: 14).

Nhìn chung, điều kiện của nước Đức dưới thời Quốc xã không thuận lợi cho sinh hoạt văn nghệ. Họ áp dụng “kiểu trại lính” trong tất cả các lĩnh vực văn hóa xã hội đã làm cho tình hình xã hội ngột ngạt và các nhà văn không thể tiếp tục sáng tác trong nước nữa. Trường hợp Anna Seghers, bà có đảng tịch, đồng thời là nhà văn Đức gốc Do

Thái và cũng là mục tiêu đối đầu của Đế chế thứ ba, là những bất lợi của bà trong bối cảnh chính trị đương thời ở Đức. Tuy sự truy lùng và bức tử người Do Thái chỉ rầm rộ từ khi Thế chiến thứ hai bắt đầu, nhưng chính sách dân tộc hẹp hòi của Đức Quốc xã trước đó cũng đã đẩy các nhà văn Đức trong đó có Anna Seghers chọn cuộc sống lưu vong. Trong cuốn *Anna Seghers Versuch über Entwicklung und Werke*¹, tác giả Kurt có viết: “*Tác phẩm của Anna Seghers bị chính quyền Quốc xã xếp vào “Danh sách đen”, và trong danh sách tạm thời về những nhà văn không được ua chuộng mà tạp chí **Börsenblatt für den deutschen Buchhandel** ra ngày 16 tháng 5 năm 1933, sáu ngày sau vụ đốt sách chấn động, có tên bà*”² (Kurt, 1980: 72).

Anna Seghers di trú qua nhiều nơi và ở đâu thì bà cũng viết, cũng đấu tranh đúng với tinh thần của một người cấp tiến. Bà làm việc tích cực ở các tạp chí của người Đức lưu vong trong giai đoạn này. Đối với Anna Seghers, chất liệu thực tế từ cuộc đời lưu vong đã để lại trong sáng tác của bà, rõ nhất là trong *Transit* (Vận chuyển), thể hiện cuộc chạy trốn của bà và gia đình từ Pháp qua Mexico. Reich-Ranicki nhận định về *Transit*: “*nhà văn đã viết một cuốn sách về những người chạy trốn, những người di cư ở Mác-xây, những người không có hộ chiếu, đang chờ cấp hộ chiếu mới và cần có visa du lịch*” (Reich-Ranicki và Voss, 2002; Thế Dũng và Thiên Trường dịch, 2012: 106). Tác phẩm *Transit* được cho là gần với đời sống thực tế lưu vong của Anna Seghers cùng gia đình. Thời điểm này, văn phẩm của

¹ Tạm dịch “Cuộc thử nghiệm của Anna Seghers về sự phát triển và những tác phẩm”

² Anna Seghers' Werke wurden von den Nazis sogleich auf die “schwarzen Listen“ gesetzt, und die erste noch vorläufige Aufstellung der unerwünschten Autoren, die das “Börsenblatt für den deutschen Buchhandel“ am 16 Mai 1933, sechs Tage nach der spektakulären Bücherverbrennung, veröffentlichte, verzeichnet auch ihren Namen.

bà mang màu sắc bi quan, không được dịch ở Nga cũng như không được cánh tả ủng hộ là vì lý do này.

Ở Việt Nam, *Das siebte Kreuz* được dịch và xuất bản lần đầu năm 1959, với tên *Cây thập tự thứ bảy*. Đây là cuốn tiểu thuyết duy nhất của Anna Seghers trong thời gian lưu vong được dịch ở nước ta. Cuốn tiểu thuyết với hình ảnh số Bảy biểu trưng:

Nếu được nói thì tôi phải nói rằng bố cục trong “Cây thập tự thứ Bảy” đã được sắp xếp thật khéo léo. Tất cả đều được xây dựng dựa trên con số bảy. Bảy kẻ chạy trốn. Bảy cây thập tự. Bảy chương. Đó là một tác phẩm bố cục chặt chẽ và được dẫn dắt một cách tuyệt vời. (Reich-Ranicki và Voss, 2002; Thế Dũng và Thiên Trường dịch, 2012: 103)

Xuất thân trong một gia đình thương buôn khá giả vùng Mainz, con đường học vấn của Anna Seghers có nhiều thuận lợi, có thể vì thế mà người đọc bất ngờ khi bắt gặp những hoàn cảnh sống của các nhân vật trong sáng tác của bà. Họ vô sản, ít học, cư xử thiếu nhã nhặn, tuy nhiên những nhân vật ấy lại tham gia vào cuộc chiến sống còn, sự sống và những cuộc chạy trốn được giành giật từng giây. Bà viết về sự khốn khổ cùng cực ấy như chính trải nghiệm của bà trước một nước Đức thắng trầm chứ không phải là sự đánh lừa độc giả vì bà có xuất thân tư sản. Sự yêu mến của bà dành cho giai cấp công nhân, người nghèo khổ đã thể hiện trong hầu hết sáng tác của bà, như thể, Seghers luôn đứng về phía họ. Anna Seghers “phục vụ hết lòng sự nghiệp của giai cấp công nhân, của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản” (Trần Đương, 2011: 189).

Khi tiểu thuyết *Cây thập tự thứ bảy* ra đời, nó đã làm lu mờ những sáng tác trước

đó của bà. Đây là cuốn tiểu thuyết hay nhất trong giai đoạn lưu vong và cũng là tác phẩm lạ nhất trong các tác phẩm cùng thời chống phát xít. Bà mang hình ảnh người tù trốn trại được sự giúp đỡ của quần chúng vào trong tác phẩm, và anh ta vượt qua được những gian khổ trong hành trình chạy trốn để về phía có đồng đội. Seghers đã mang hy vọng vào trong tác phẩm, một ánh sáng cho tương lai của nước Đức, niềm tin vào những con người cộng sản sẽ chiến đấu và chiến thắng.

Tác phẩm có tiếng vang của Seghers trong giai đoạn lưu vong không nhiều. Các sáng tác sau này của bà theo xu hướng khác và những đóng góp cũng khác, đặc biệt là các thời điểm lịch sử như kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai rồi đến Chiến tranh Lạnh và thống nhất nước Đức. Sáng tác của bà như chứng nhân lịch sử của nước Đức đầy biến động trước khi thống nhất. Tuy nhiên, rất nhiều nhà nghiên cứu cho rằng các sáng tác sau này khó lòng vượt qua được *Transit* và *Das siebte Kreuz*. Bởi, chúng ra đời trong giai đoạn mà vai trò chính trị của nhà văn được đề cao. Nhà văn giữ vai trò là người làm chứng thời đại, làm chứng lịch sử (Luong Ngọc Bích, 1995: 30) và là “những quan tòa” thể hiện trong sáng tác những yếu tố hiện thực và sục sôi của thời đại mình.

Viết về quê hương từ nơi đất khách quê người là một sự lựa chọn của nhiều nhà văn Đức trong giai đoạn chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sau thời gian lưu vong, nhiều nhà văn trở về phần đất của Cộng hòa Dân chủ Đức. Phong Lê viết: *An-na Dê-góc, trong Đại hội các nhà văn quốc tế họp ở Vay-ma, năm 1965, đề trả lời câu hỏi vì sao sau chiến tranh bà lại trở về Tổ quốc, trên phần đất thuộc Liên Xô kiểm soát mà không trở*

về quê hương bà trên sông Ranh, đã trả lời: “Bởi chính ở đây tôi đã tìm thấy được tiếng vang mà người viết thường mong đợi. Bởi vì ở đây có mối quan hệ mật thiết giữa văn chương và cuộc sống. Bởi vì ở đây tôi có thể nói lên, vì lý do gì tôi đã sống (Phong Lê, 1979: 33). Đây là sự lựa chọn phù hợp với kiểu nhà văn chính trị như Seghers. Bà thuộc thể hệ nhà văn đầu tiên mà giá trị quốc tế trong sáng tác văn chương đã được khẳng định (Ghéc-hác, 1964: 76; Lê Xuân Ninh dịch) và là tiền đề cho một nền văn học trẻ tuổi của nước Cộng hòa Dân chủ Đức sau này.

2. Tiền đề tư tưởng Mác-xít ở Việt Nam ảnh hưởng đến việc tiếp nhận văn phẩm nước ngoài

Trong bài viết “Tổng quan về sự tiếp thu tư tưởng văn nghệ Âu-Mỹ vào Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX” (La Khắc Hòa và cộng sự, 2015), Lộc Phương Thủy đã nhận định, tư tưởng Mác-xít xuất hiện ở Việt Nam từ sớm, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, qua con đường báo chí, ở Sài Gòn trên tờ *L’Annam*. Sau đó, quan điểm này tiếp tục khẳng định qua cuộc tranh luận của Hải Triều và Phan Khôi những năm 30 của thế kỷ trước. Tư tưởng Mác-xít lan tỏa cả ở những người yêu nước và những người theo Đảng. Sau năm 1943, Đảng Cộng sản Việt Nam công bố *Đề cương văn hóa Việt Nam* đã thể hiện vai trò lãnh đạo của mình. Diện mạo đời sống văn hóa, văn nghệ ở Việt Nam được định hướng và chuyển biến mạnh mẽ sang lý luận Mác-xít. Nổi bật trong giai đoạn này, Đặng Thai Mai xuất bản cuốn *Văn học khái luận* (1944) theo phương pháp, nội dung của quan điểm Mác-xít (La Khắc Hòa và cộng sự, 2015).

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm

1945, Việt Nam với định hướng xã hội chủ nghĩa, lý luận Mác-xít trở thành sự lựa chọn hệ tư tưởng chính thống cho các hoạt động về văn hóa, chính trị, xã hội. Theo đó, chính trị đóng vai trò quan trọng trong các sinh hoạt văn nghệ, “văn học nằm trong chính trị, văn nghệ là mặt trận, anh chị em nghệ sĩ là chiến sĩ, văn nghệ là vũ khí...” theo ý của Hồ Chí Minh (La Khắc Hòa và cộng sự, 2015).

Giai đoạn 1954-1975 và cho đến giai đoạn Đổi mới, chức năng của văn học tập trung thể hiện cao độ tính chính trị của mình, chống lại các lý thuyết tư sản, chống lại chủ nghĩa xét lại và đặc biệt là chống lại cách làm văn nghệ thực dân mới ở miền Nam. Trần Đình Sử đã phát biểu rằng:

Văn học chịu sự lãnh đạo của Đảng, đối tượng của văn học là con người mới, cuộc sống mới, là các anh hùng chiến sĩ trên các mặt trận, thế giới quan và vốn sống, lập trường chính trị là nhân tố quyết định sáng tác, phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp tốt nhất, tiên tiến nhất của nhân loại, mà điểm nổi bật là sáng tạo điển hình hóa cao độ tính chân thật, tính chiến đấu. [...] Nhìn chung, tuy vấn đề lý luận có nhiều mặt, song quan điểm chung vẫn là văn nghệ là ý thức hệ xã hội, phản ánh hiện thực, là công cụ đấu tranh giai cấp, phục tùng chính trị, chịu sự lãnh đạo của Đảng, phục vụ chính trị của Đảng, không được đi chệch, càng không thể đi ngược đường lối của Đảng. (La Khắc Hòa và cộng sự, 2015).

Cũng theo ông, sách lý luận văn học giai đoạn này cũng được dịch, nguồn từ Trung Quốc và Liên Xô với hệ thống quan điểm Mác-xít kiên định và thống nhất ở miền Bắc Việt Nam và sau này. Sự vận dụng tư tưởng Mác-xít vào việc soạn thảo

giáo trình lý luận văn học ở Việt Nam, nổi tiếng có Nguyễn Lương Ngọc với nhiều bộ giáo trình do ông soạn thảo và chủ biên như: *Sơ thảo về nguyên lý văn học* (1958), *Mấy vấn đề nguyên lý văn học* gồm 02 tập (1962), *Cơ sở lý luận văn học* gồm 4 tập (1965-1968). Bên cạnh đó, các tác giả nổi tiếng ở những năm 60-70 về lý luận văn học như Hà Minh Đức, Lê Đình Ky, Vũ Đức Phúc,... đã góp phần truyền bá và ứng dụng tư tưởng Mác-xít vào văn học nước nhà, nhất là ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Trong khi miền Nam Việt Nam với sự du nhập và hoạt động văn nghệ đa dạng về mặt tư tưởng thì ở miền Bắc Việt Nam, tính thống nhất về tư tưởng Mác-xít thể hiện trên tất cả các mặt trận từ chính trị đến văn hóa tinh thần. Đây là một thuận lợi cho việc tiếp nhận Anna Seghers ở miền đất này.

Anna Seghers là nhà văn mà hướng nghiên cứu cũng như giới thiệu về bà ở Việt Nam rất thống nhất về mặt quan điểm. Nội dung các sáng tác của bà được quy chiếu trên lý tưởng cộng sản và đấu tranh cho một thế giới tốt đẹp. Đây cũng là điều đặc biệt với Seghers, vì các nhà văn nước ngoài khác ở Việt Nam, sáng tác của họ thường được đánh giá trái chiều nhau, nếu không thì cũng có điểm mạnh và điểm yếu trong đóng góp về nội dung nghệ thuật, về thái độ đối với cuộc sống,....

Ở Đức, việc nghiên cứu Anna Seghers cho đến thời gian gần đây có phần đa dạng hơn ở Việt Nam (có thể xem các đánh giá của nhà phê bình Reich-Racnicki qua cuốn *Những con bệnh khó chữa* được dịch ra tiếng Việt), những nhà văn cùng khuynh hướng sáng tác với bà, hoặc những nhà văn lưu vong trong thời Hitler thống trị có xu hướng quy về một mối “hàng loạt nhà văn

tư sản đã hợp tác với Đảng Cộng sản nhằm thực hiện quyết tâm chống phát xít của mình”. Hay là, những khuynh hướng sáng tác khác nhau ở Đức nửa đầu thế kỷ XX đã gặp nhau, đã “giống nhau về thái độ và tư tưởng của các nhà văn vào giữa những năm 30 nhằm cố gắng thiết lập một lực lượng thống nhất chống phát xít trong khuôn khổ của *Mặt trận nhân dân*” (Lương Ngọc Bính, 1995: 19).

Bà thuộc thế hệ “các nhà văn lưu vong cộng sản” được tôn trọng và suy tôn trên đất nước của bà và các quốc gia khác. Sinh thời, Anna Seghers là nhà văn Đức đã có những hành động cụ thể để cùng nhân dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh bảo vệ và thống nhất đất nước. Bà có những bài báo như “Sơn Mỹ”, “Thời đồ đá”⁴ đăng trên các tạp chí ở Đức và nhiều việc thiện nguyện khác của bà đối với nhân dân Việt Nam, đã thể hiện được tình cảm và sự quan tâm của bà đối với đất nước chúng ta.

3. Các tác phẩm của Anna Seghers được dịch ở miền Bắc trước năm 1975

Các sáng tác của Anna Seghers được dịch tại Việt Nam từ bản tiếng Pháp:

- (1) Người dịch: Hương Minh, Hữu Ngọc, Tảo Trang (1959)
 - Das siebte Kreuz (1942) - Cây thập tự thứ bảy (2 tập).
- (2) Người dịch: Tảo Trang (1962)
 - Bauern von Hruschowo (1929) - Những người dân làng ở Hơ-rút-sô-vô
 - Die Stoppuhr (1932) - Chiếc đồng hồ
 - Der Führerschein (1932) - Bằng lái xe
 - Der letzte Weg des Koloman Wallisch (1934) - Con đường cuối cùng của Kô-lô-man Va-lich
 - Aufstellen eines Maschinengewehrs im Wohnzimmer der Frau

⁴ Báo *Nhân dân* ra ngày 5 tháng 6 năm 1983 (trích dẫn Trần Đương, 2011:191)

- Kamptschik (1934) - Việc bố trí một khẩu súng đại liên trong phòng ăn của chị Kam-sic (Trích Con đường tháng Hai)
- Das Viereck (1935) - Cái hình chữ nhật
 - Die schönsten Sagen vom Räuber Woynok (1936) - Những truyền thuyết hay nhất về tướng cướp Voanóc
 - Sagen von Artemis (1937) - Những truyền thuyết về nữ thần Ác-Tê-mít
 - Die drei Bäume (1940) - Ba cái cây
- (3) Người dịch: Hường Minh (1962)
- Das Obdach (1941) - Chỗ nương náu
 - Der Ausflug der toten Mädchen (1943) - Cuộc du ngoạn của những thiếu nữ đã qua đời
 - Das Ende (1945) - Kết thúc
- (4) Người dịch: Bùi Hiền, Nguyễn Văn Sỹ, Quang Dũng (1963)
- Die Toten bleiben jung (1949) - Những người chết còn trẻ mãi (2 tập)

Dịch thuật văn phẩm của Anna Seghers chỉ ở miền Bắc Việt Nam trước năm 1975 và chủ yếu từ tiếng Pháp. Đây cũng là đặc điểm chung của văn học phương Tây vào Việt Nam giai đoạn đầu, khi ở ta chưa sẵn sàng một đội ngũ dịch giả, học giả biết tiếng Đức như sau này, vì vậy việc dịch văn học Đức cần qua một ngôn ngữ khác. Anna Seghers có thời gian lưu trú tại Pháp trong thời Hitler cầm quyền, có thể vì vậy mà văn phẩm của bà trong giai đoạn lưu vong này gần gũi với người Pháp. Theo chúng tôi, văn phẩm của Seghers có sự chọn lọc bởi bạn đọc ở Pháp và các sáng tác cũng đã được kiểm duyệt bởi đội ngũ dịch giả từ tiếng Pháp này.

Về tiểu thuyết, Anna Seghers được biết đến nhiều nhất ở Việt Nam qua hai tiểu

thuyết lớn trong sự nghiệp văn chương của bà, đó là *Cây thập tự thứ bảy* và *Những người chết còn trẻ mãi*. Tuy nhiên, cuốn thứ hai ít có tiếng tăm hơn. Xét về đầu sách được xuất bản, Anna Seghers ở Việt Nam được dịch không nhiều, gồm có 3 bộ sách (với 14 tác phẩm trong đó có 02 tiểu thuyết, còn lại là 12 truyện ngắn trong tập ký sự *Tổ ong*) của bà được ra mắt bạn đọc. Khoảng thời gian dành cho văn phẩm của bà được dịch ở Việt Nam cũng không nhiều (từ 1959 – 1963), tuy nhiên, Seghers trở nên nổi tiếng còn bởi ảnh hưởng còn ở thái độ chính trị của bà.

Cây thập tự thứ bảy (1942) được xem là tác phẩm hay nhất trong thời gian lưu vong, và cũng là sáng tác nổi bật nhất trong sự nghiệp sáng tác của Anna Seghers. Nhà phê bình Reich-Ranicki đánh giá là một “*tác phẩm kinh điển*” (Reich-Ranicki và Voss, 2002; Thế Dũng và Thiên Trường dịch, 2012: 96), là tiểu thuyết hay nhất bằng tiếng Đức của một nữ văn sĩ. *Cây thập tự thứ bảy* thể hiện hết cái bi, cái ngọt ngào của nước Đức bằng một giọng văn khỏe viết về những con người bình thường – người lao động và sự đoàn kết sức mạnh của họ. Trong văn chương của bà, sức mạnh của lòng nhân đạo, của đoàn kết chiến đấu đến từ những con người bình thường, nhưng họ là đại diện cho một lớp người mới trong giai đoạn mới. Bà thuận theo quan niệm thẩm mỹ mới của thời đại, những con người bình thường trở thành phi thường. Lương Ngọc Bính (1995: 175-176) đã có một nhận xét được xem là đầy đủ về tác phẩm này:

“*Cây thập tự thứ bảy*” là một tác phẩm sử thi hiều theo nghĩa đầy đủ nhất. Thời gian nghệ thuật của tác phẩm chỉ diễn ra trong bảy ngày tương ứng với bảy chương với bảy nhân vật chính. Nhưng đứng sau và

cùng với các sự kiện đó, nhân vật đó là nhân dân, là lịch sử, là toàn bộ không gian tinh thần của nước Đức trong những năm khốc liệt dưới chế độ phát xít.

Một mặt Dégóc đã dựng lên một bức tranh dữ dội và hoành tráng về một giai đoạn lịch sử nước Đức đang quần quai trong không khí ngột ngạt của những năm đầu của Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Mặt khác, ngòi bút trữ tình của nữ nhà văn đồng thời lại tạo nên một tứ thơ rất khỏe bốc lên, vút lên từ than bụi các nhà máy, từ mồ hôi nước mắt và máu của nhân dân lao động Đức, của những người yêu nước tiến bộ và những chiến sĩ cộng sản từ bóng tối đen ngòm của trại tập trung với tiếng xích xiềng lẫn với tiếng rú gầm của bọn sĩ quan SS.

Ngạn ngữ Đức nói “Cái gì đi từ trái tim mà ra, nó sẽ đến với trái tim“. Cây thập tự thứ bảy của Dégóc là tiếng nói nghệ thuật xuất phát từ trái tim mãnh liệt, bốc lửa, tràn đầy yêu thương thiên nhiên, đất nước và người dân lao động Đức. Do đó, nó đã tìm được con đường ngắn nhất để đi vào lòng người đọc....

Anna Seghers đến với người cộng sản là một quá trình nhận thức, những tác phẩm đầu tay của gần với dòng văn học Weimar hơn là văn học của người cộng sản. Theo đó, cách xây dựng nhân vật Heisler trong *Cây thập tự thứ bảy* của Seghers đã đến với những người cộng sản một cách tình cờ, anh không biết nhiều trước đó, nhưng anh cảm nhận được sự đúng đắn từ phía họ mà đi theo. Những sự lựa chọn của lịch sử đôi khi đến từ những gặp gỡ và cảm nhận đúng lúc, đó là cách mà văn phẩm của Anna Seghers đến với người Việt Nam những năm trước 1975.

Tổ ong là tập ký sự của Anna Seghers,

xuất bản năm 1953 và sau 9 năm thì tập ký sự này được giới thiệu ở Việt Nam. Tác phẩm gồm những câu chuyện mà tác giả góp nhặt trong thời gian ở trong căn nhà mang tên *Tổ ong*. Căn nhà ấy rất thân thuộc với tác giả, như một miền ký ức tuổi thơ mà nhà văn còn lưu giữ. Ngay ở lần đầu tiên đến đó, Seghers đã cảm nhận được “hình như tôi đã qua tuổi thanh xuân ở đây và cuộc đến thăm đầu tiên của tôi chỉ là trở lại gia đình”. *Tổ ong* đẹp cả với bốn mùa ở Đức, các mùa “hẹn hò” nhau ở đó, “như các mùa trong truyện cổ tích” vậy. *Der Bienenstock* gồm hai tập được nhà văn sáng tác từ năm 1929 đến 1952. Tuy nhiên, các dịch giả không dịch trọn bộ *Der Bienenstock* (gồm 26 truyện, đặc biệt là có những truyện còn bao gồm nhiều mẫu chuyện nhỏ trong đó), mà chỉ dịch những tác phẩm được Anna Seghers viết trước 1945 của tập truyện này mà thôi. Những truyện trong tập thứ hai của *Der Bienenstock* rất nổi tiếng của bà mà không được dịch ở Việt Nam như *Die Rückkehr - Sự quay lại* (1949) hay *Der Mann und sein Name - Người đổi tên* (1952), ... là điều đáng tiếc.

Những người chết còn trẻ mãi là cuốn tiểu thuyết được đánh giá cao của Anna Seghers, ra mắt bạn đọc Việt Nam vào năm 1963. Cuốn tiểu thuyết được bà viết năm 1947 – cuối thời gian lưu vong và bà hoàn thiện nó vào năm 1949 – bà đã quay về Đông Đức. Đây là cuốn tiểu thuyết gắn liền với những mốc lịch sử quan trọng của nước Đức và châu Âu từ kết thúc Thế chiến thứ nhất cho đến hết Thế chiến thứ hai. Mở đầu bằng cái chết của nhân vật Ervin, tuy nhiên, sự hy sinh ấy lại mở đầu cho những câu chuyện khác, các tuyến nhân vật chia theo những chiến tuyến khác nhau và được lồng

vào toàn câu chuyện một cách logic. Cũng như những tác phẩm khác của bà, hình tượng những người chiến sĩ cộng sản làm trung tâm, họ đấu tranh kiên cường, và cứ hết thế hệ này đến thế hệ khác kế tục nhau, dù họ có hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ, song ý chí chưa bao giờ tắt đi trên mảnh đất này. Ervin hy sinh ở độ tuổi thanh xuân, rồi bạn gái anh có thai sinh ra Hans, Hans tiếp tục sự nghiệp đấu tranh như bố. Hans cũng bị bắn như Ervin trong cuộc chiến không ngưng nghỉ ấy. Nối tiếp thế hệ, đứa con của Hans mà Emmi đang thai nghén sẽ tiếp tục một cuộc đời mới và có thể giống như bố và ông của nó... Nhân vật Fritz von Wenzlo – viên sĩ quan bắn Ervin, sau 25 năm y tiếp tục bắn Hans và chột giật mình vì chàng trai trẻ này đã gọi lại hình ảnh của Ervin nhiều năm trước đó. Wenzlo đã nhận thấy họ - những con người đấu tranh ấy, vẫn còn trẻ mãi... Có thể vì điều này mà nhà nghiên cứu Lương Ngọc Bình (1995: 48, 79) nhận xét:

Việc tái tạo quá trình nhận thức lại của quần chúng là nội dung cơ bản trong các tác phẩm “Những người chết còn trẻ mãi” của Dégóc, “Trạm nghỉ bên đường” của Hécman Kăng (Hermann Kant), “Thời gian để yêu và thời gian để chết” của Eric Romackơ (Erich Maria Remarque).

Hay:

Trở lại với tác phẩm “Những người chết còn trẻ mãi” của Dégóc, chúng ta thấy đó không còn đơn giản là cái tên cuốn sách mà đã nói lên thật sáng rõ chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Cái chết của Ervin đầu tác phẩm không tạo ra không khí bi quan mà vẫn đậm nét anh hùng sử thi bởi mạch sống và lý tưởng chiến đấu vẫn được những người bạn và đứa con trai của anh tiếp tục.

Bên cạnh những hình ảnh trung tâm,

những tuyến nhân vật được phân định rõ, thì *Những người chết còn trẻ mãi* còn là tác phẩm ca ngợi những người tốt, nhiều đức hy sinh, cùng vào sinh ra tử với các chiến sĩ cộng sản.

Từ năm 1958-1959, cùng với bức thư của chính nhà văn Seghers gửi cho bạn đọc Việt Nam một cách thân tình, nhóm tác giả dịch tác phẩm *Cây thập tự thứ bảy* của Anna Seghers sang tiếng Việt, đã có những nhận định về sáng tác của nữ nhà văn. Nhận định này được viết như ý kiến chung về sáng tác của bà. Đây là những phác thảo đầu tiên và cũng là thuận lợi đầu tiên của Anna Seghers, rất hợp với tình hình chung ở miền Bắc thời bấy giờ:

Nhân vật trong các tác phẩm của bà phần nhiều là những người lao động trong mọi tầng lớp xã hội ở nhiều nước. Còn đề tài là những vấn đề mà một chiến sĩ cách mạng thiết tha yêu tổ quốc, yêu giai cấp, yêu nhân loại và yêu hòa bình không thể nào không quan tâm đến: đời sống của những người lao động bị áp bức (*Cuộc khởi nghĩa của dân chài ở Xăng ta Béc-ba-ra*); sự giác ngộ quyền lợi giai cấp (*Những người đãi công, Trở về*); ý chí cách mạng không thể bị một sức mạnh tàn bạo nào tiêu diệt nổi (*Cây thập tự thứ bảy*) và bền vững truyền từ đời này sang đời kia (*Những người chết còn trẻ mãi*); những đấu tranh gay go quyết liệt ở mỗi con người giữa cái mới và cái cũ và những biến chuyển tư tưởng đưa tới những thắng lợi tất nhiên của một phần tiến bộ (*Người đổi tên*); sự quyết tâm của nhân dân các nước xây dựng lại tổ quốc sau chiến tranh, quyết tâm bảo vệ hòa bình, bảo vệ hạnh phúc của đời sống mới (*Con đường, bước đầu*), ... (*Cây thập tự thứ bảy*, Tập 1).

Ở lĩnh vực dịch văn phẩm của Anna Seghers ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy

chỉ diễn ra trong vài năm từ 1959 đến 1963, tuy nhiên, những sáng tác nổi tiếng của bà đều được dịch như *Cây thập tự thứ bảy*, *Cuộc dạo chơi của những thiếu nữ đã qua đời*, *Những người chết còn trẻ mãi*, Sau khi thống nhất đất nước, hầu như không có bản dịch mới nào của Anna Seghers được ra mắt, đây cũng là một điều đáng tiếc vì văn nghiệp của bà còn kéo dài và ngoài sáng tác, bà có đóng góp ở rất nhiều lĩnh vực khác nữa.

Trên đây là sự tổng hợp các nhận xét đánh giá về Anna Seghers ở Việt Nam từ những năm văn phẩm của bà được dịch cho đến sau này có những công trình nghiên cứu về bà của người Việt. Các ý kiến của người đọc Việt Nam qua các bản dịch và các bài giới thiệu - nghiên cứu ngắn về nhà văn này thống nhất, đặc biệt là kiểu nhà văn-chính trị. Thời gian văn phẩm của bà đến với công chúng trong tầm 05 năm (xuất bản) và một số bài nghiên cứu-giới thiệu sau đó không rầm rộ, không liên tục. Có thể, đây là lý do lý giải cho sự thống nhất, không đột phá nào ngoài văn chương và chính trị về cách nhìn về Anna Seghers ở Việt Nam. Ở Việt Nam, người ta viết về các sáng tác cũng như chân dung của nhà văn Seghers một cách tin tưởng, không hoài nghi về những gì nhà văn này đã làm cho Cộng hòa Dân chủ Đức và người cộng sản toàn cầu.

Tóm lại, dịch thuật văn phẩm nước ngoài đóng vai trò quan trọng, là khâu đầu tiên trong nghiên cứu tiếp nhận một nhà văn nước ngoài vào một đất nước khác. Văn phẩm được dịch ra để làm gì, có đối tượng đọc nó hay không, nó có tác động vào ai đó hay không...là những điều kiện cần để trả lời vì sao tác phẩm đó được dịch và giới thiệu ở nước ngoài. Trường hợp Anna Seghers là sự chọn lựa hợp thời, ở giai đoạn

chính trị chi phối hoạt động văn nghệ ở miền Bắc Việt Nam trong một thời gian dài.

4. Một số nhận xét về tình hình tiếp nhận Anna Seghers ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1954-1975

Kiểu đọc nhà văn- đồng chí tại miền Bắc Việt Nam

Thời gian tiểu thuyết của Anna Seghers được dịch tại Việt Nam thì bà là người đương thời, và đang độ sáng tác dồi dào. Vì thế, tác phẩm của bà mang tính định hướng, phù hợp với tình hình cách mạng Việt Nam thời bấy giờ. Trong một số nhà văn tiếng Đức được khảo sát việc dịch trong khoảng thời gian trước 1975, họ thường có thư gửi bạn đọc Việt Nam, hoặc có lời nói đầu sách gửi đến độc giả. Vì sự chọn dịch kỹ lưỡng và kiên định theo định hướng chính trị của miền Bắc nên các văn phẩm giai đoạn này thường là văn học kinh điển hoặc là văn học của các nước anh em, cùng chiến tuyến. Do đó, sự tương tác giữa nhà văn và độc giả ở đầu mỗi cuốn sách này như một sự bang giao tin cậy về tinh thần. Đó cũng là sự chủ động tìm đến kiểu nhà văn đại diện cho nhóm bạn đọc của mình, hoặc nhà văn ấy biết trước sự sẵn sàng tiếp nhận họ ở một đất nước có sự tương đồng về xu hướng chính trị, dễ dàng gặp gỡ, thấu hiểu những hoàn cảnh văn học trong tác phẩm hơn.

Anna Seghers viết thư cho nhà xuất bản khi biết cuốn *Cây thập tự thứ bảy* của bà được dịch tại Việt Nam:

Tôi rất sung sướng được tin cuốn sách này sắp in ra tiếng Việt-nam. Các bạn đọc Việt-nam của tôi nay có thể đọc và biết cuộc đời của những người kháng chiến Đức đã sống trong thời phát xít. Các bạn sẽ càng thông cảm với sách này vì chính các bạn đã chiến đấu thắng lợi và xiết bao anh dũng chống lại những kẻ áp bức các bạn.

Các nước dù ở xa nhau đến đâu, bản chất và đặc tính dù có khác nhau đến đâu, nhưng mỗi dân tộc đều có chung một quan niệm về tự do, cùng chung một kẻ thù dã man, là kẻ thù của tự do, tức chủ nghĩa đế quốc với mọi hình thức, dù có mang tên là phát xít, là thực dân hay tên gì khác. (Cây thập tự thứ bảy, Tập 1).

Sự nghiệp văn chương và quan niệm sáng tác của Anna Seghers là sự thuận lợi cho bà ở một đất nước với định hướng xã hội chủ nghĩa. Thư của chính tác giả gửi bạn đọc Việt Nam còn thể hiện ý nghĩa nước Đức và Việt Nam với tình hữu nghị vì hòa bình và dân chủ. Đồng thời, con người ở mọi nơi đều phải đấu tranh để bảo vệ những chân lý này.

Việc tương tác với người đọc-đồng chí của Anna Seghers này là để thấy thái độ và quan niệm của nhà văn trong sáng tác cũng như trong các quan hệ của bà với tư cách người cộng sản, luôn luôn tranh đấu. Những yếu tố trên rất có ý nghĩa với tình hình miền Bắc trong giai đoạn này, đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà.

Ở thời điểm Anna Seghers 75 tuổi, Đỗ Ngoạn có một bài viết đăng trên Tạp chí Văn học số 01 năm 1976, đã thể hiện vị trí quan trọng của nữ nhà văn này ở Việt Nam. Đặc biệt, Đỗ Ngoạn đã thể hiện những tình cảm của Anna Seghers về cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam qua tác phẩm *Thời kỳ đồ đá* (1975) của bà. *Đế quốc Mỹ ném bom tàn phá Việt Nam với ý đồ ngông cuồng đẩy đất nước anh hùng này trở lại thời kỳ đồ đá. [...] Một gã cựu binh Mỹ trước đây được huấn luyện để có một lối sống thích nghi với cuộc chiến tranh ở Việt Nam, sau khi giải ngũ đã đem lối sống ấy về nhà. (Đỗ Ngoạn, 1976: 31).* Theo nhà nghiên cứu, lối sống ấy đã hủy hoại gia đình cũng như bản thân

người cựu binh Mỹ này. Đỗ Ngoạn cũng đánh giá cao việc Anna Seghers nhiều lần lên án cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ và khen ngợi tinh thần quật khởi của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến tranh này. Thay lời kết để chúc mừng sinh nhật lần thứ 75 tuổi của Anna Seghers, ông viết, bà là *người bạn của nhân dân Việt Nam, người chiến sĩ văn học xuất sắc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Đức, người trọn đời đem sức lực và ngòi bút của mình bênh vực và ca ngợi “Sức mạnh của những kẻ yếu đuối”* (Đỗ Ngoạn, 1976: 31).

Hoàn cảnh giữa nước Đức và Việt Nam khá tương đồng về mặt chia cắt lãnh thổ và chính trị trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của thế kỷ XX. Mâu thuẫn giữa hai miền Bắc, Nam Việt Nam thời chống Mỹ và giữa hai nước CHDC Đức, CHLB Đức thời Chiến tranh lạnh làm cho nhân dân Việt Nam và Đức luôn trong tình trạng tranh đấu vì một sự thống nhất cao hơn. Eduard Claudius – nhà văn, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Dân chủ Đức tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ghi nhận vai trò của Anna Seghers đối với nền văn học của nước Đức xã hội chủ nghĩa. Tác phẩm của Anna Seghers được *“chuyển từ tay này sang tay khác”* (Claudius, 1960: 56) giữa những nhà văn của hai nước Đức có cùng chí hướng thời bấy giờ. Có thể nói, con đường chính trị và văn chương của Anna Seghers rất hợp với người Việt Nam, với tinh thần cách mạng của miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1954 – 1975, vì thế, việc chọn dịch bà cũng là một sự lựa chọn của tiếp nhận theo bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa nước nhà.

Bên cạnh bối cảnh chính trị và sự chuẩn bị về tư tưởng của Việt Nam giai đoạn 1954-1975, chúng ta cần nói đến nhu cầu

cũng như tâm lý tiếp nhận của người đọc trong thời kỳ chiến tranh gian khổ, đầy hy sinh và hy vọng về hòa bình này. Người đọc ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn này ưa thích những tác phẩm giàu lòng tốt, lòng nhân ái; chống cái xấu, cái ác; chống áp bức, bạo lực và chiến tranh xâm lược. Họ say mê đọc những tác phẩm nói về lòng dũng cảm và sự hy sinh vì cộng đồng. Trong kháng chiến, họ không thể đọc được những tác phẩm xa cách với cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ và khó khăn của họ. Người đọc yêu thích những tác phẩm có nội dung tương đồng với con người và cuộc sống của họ. Điều này có thể nhận thấy rõ qua cái nhìn tổng thể về các nền văn học và các thời kỳ văn học khác nhau được chọn dịch ở miền Bắc Việt Nam. Cụ thể, việc chọn dịch tập trung ở văn học cổ điển, văn học của chủ nghĩa nhân đạo, văn học hiện thực chủ nghĩa của các nền văn học lớn trên thế giới như văn học Pháp, văn học Nga, văn học Đức, Còn văn học hiện đại, các dịch giả ưu tiên những tác phẩm phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của đa số độc giả của cả miền Bắc, như trên đã nói.

Trong khi đó ở miền Nam, sách dịch văn học nước ngoài chủ yếu là văn học hiện đại, rất ít văn học cổ điển. Điều này rõ ràng cũng là do nhu cầu và thị hiếu của người đọc ở đây, mà chủ yếu là giới trí thức, sinh viên, người hoạt động tôn giáo, ... sống chủ yếu ở các đô thị. Đời ngũ này chịu sự tác động của các vấn đề xã hội ở các đô thị miền Nam nên có tư tưởng, tình cảm, lối sống ít nhiều tương đồng, hoặc muốn được noi theo lối sống và cách suy nghĩ của các nhân vật trong các tác phẩm được dịch. Đây là những vấn đề quan trọng của nghiên cứu về tiếp nhận văn học: phân tích, tìm hiểu, lý giải nhu cầu, sở thích, lợi ích của người đọc.

Những yếu tố này rất quan trọng trong việc giải thích được tình hình tiếp nhận văn học trong nước và thế giới ở cả hai miền trong từng thời kỳ lịch sử.

Anna Seghers là nữ nhà văn chính trị, do vậy, văn phẩm của nữ nhà văn ở miền Bắc Việt Nam có những lợi thế nhất định về tiếp nhận văn học của bà. Bà trở thành hình ảnh biểu trưng, là nhân vật mang tính biểu tượng ở các nước xã hội chủ nghĩa, có thể tìm thấy chân dung của Seghers được treo trong nhà của những người theo xã hội chủ nghĩa (cảnh trong phim *Goodbye Lenin*). Sáng tác của Anna Seghers đã có nhiều lợi thế để được dịch ở Việt Nam, bản thân Seghers cũng là nữ nhà văn - đồng chí, thiện cảm của bà giành cho nước CHDC Đức và các nước xã hội chủ nghĩa luôn là những điều kiện quan trọng để tiếp nhận văn chương của bà ở những nơi này. Do vậy, văn phẩm của Seghers phù hợp với thời cuộc, có nhiều lợi ích cho việc chọn dịch ở miền Bắc Việt Nam, bên cạnh đó, bà có được sự yêu thích của người đọc nơi này.

Kết luận

Với các tác giả văn học Cộng hòa Dân chủ Đức, Anna Seghers là hiện thân cho một nhà văn, nhà viết sử của thời đại. Trong sáng tác của bà, tinh thần đấu tranh chống phát xít, chống lại những thế lực đi ngược sự phát triển của con người luôn luôn đặt lên hàng đầu. Văn chương của bà là một kinh nghiệm lịch sử quý giá, không chỉ thể hiện cái ngọt ngào bi thương nhưng hùng tráng của một giai đoạn lịch sử, mà còn ở tinh thần đấu tranh ở những dân tộc từng có áp bức.

Anna Seghers không phải là nhà văn Đức được dịch nhiều nhất cho đến thời điểm hiện tại ở Việt Nam. Tuy nhiên, trước 1975 ở miền Bắc, bà là nhà văn của Cộng hòa

Dân chủ Đức được dịch nhiều nhất trong thời gian ngắn nhất (từ 1959 đến 1963). Sau năm 1975 thống nhất nước nhà, việc dịch văn phẩm của Anna Seghers không còn được tiếp tục. Vì thế, ở lĩnh vực dịch thuật, Anna Seghers chỉ xuất hiện trong vài năm trước năm 1975.

Cho đến hiện tại, chưa có công trình chuyên biệt dày dặn nghiên cứu về Anna Seghers ở Việt Nam, do vậy tiếp nhận Seghers ở nước ta chủ yếu trên bình diện dịch thuật. Nữ nhà văn và các sáng tác của bà được nhắc đến rải rác ở những công trình liên quan như văn học chống phát xít, văn học của Cộng hòa Dân chủ Đức, Hai miền của Việt Nam sau Hiệp định Genève có nét tương đồng với hai nước của lãnh thổ Đức thời Chiến tranh lạnh, vì thế, những tiền đề về chính trị và văn hóa của Việt Nam rất thuận lợi cho kiểu sáng tác của Anna Seghers và bà được tiếp nhận ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1954-1975.

Tài liệu tham khảo

- Claudius, E. (1960). Sự phát triển của văn học Đức. (Lê Đức Phúc và Hồ Bá Hoa dịch). *Nghiên cứu văn học*, 1(3), 52–56.
- Đỗ Ngoạn (1976). Mừng An-na Dê-góc-xơ 75 tuổi. *Văn học*, 16(1), 125 – 131.
- Ghéc-hác Véc-ne (1964). Nền văn học trẻ tuổi ở Cộng hòa Dân chủ Đức. (Lê Xuân Ninh dịch). *Văn học*, 4(10), 76 – 87.
- Khái Vinh (1979). Sáng tác văn xuôi ở Cộng hòa Dân chủ Đức (Thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội). *Văn học*, 19(5), 20 – 27.
- Kurt, B. (1980). *Anna Seghers: Versuch über Entwicklung und Werke*. Frankfurt am Main: Röderberg Verlag GmbH.
- La Khắc Hòa, Lộc Phương Thủy, Huỳnh Như Phương (đồng chủ biên) (2015). *Tiếp nhận tư tưởng nước ngoài kinh nghiệm Việt Nam thời hiện đại*. Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lương Ngọc Bích (1995). *Văn học Đức chống phát xít những vấn đề mỹ học và thi pháp*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.
- Ngọc Cầu (1960). Cây thập tự thứ bảy (Anna Dê-góc-dơ). *Nghiên cứu văn học*, 1(7), 77-81.
- Phong Lê (1979). Vài khía cạnh về đời sống văn học ở Cộng hòa Dân chủ Đức anh em trong chủ nghĩa xã hội phát triển. *Văn học*, 5, 28-36.
- Trần Đương (2011). *Văn hoá Đức tiếp xúc và cảm nhận*. Hà Nội, Nxb Thế Giới.
- Reich-Ranicki, M. và Voss, P. (2002). *Lauter Schwierge Patienten. Những con bệnh khó chữa – Đối thoại văn chương*. (Thế Dũng và Thiên Trường dịch, 2012). Hà Nội, Nxb Lao động.
- Seghers, A. (1942). *Cây thập tự thứ bảy*. Hương Minh, Tảo Trang dịch (1959). Hà Nội, Nxb Văn hóa.
- Seghers, A. (1929 - 1945). *Tổ ong*. Hương Minh, Hữu Ngọc, Tảo Trang dịch (1962). Hà Nội, Nxb Văn học.
- Seghers, A. (1949). *Những người chết còn trẻ mãi*. Bùi Hiến, Nguyễn Văn Sỹ, Quang Dũng dịch (1963). Hà Nội, Nxb Văn học.